

Số: 3127 /GPMT-UBND Khánh Hòa, ngày22... tháng 11..... năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Pax Ana Khánh Hòa tại Văn bản số 105/Pax Ana ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu du lịch Pax Ana Dốc Lết Resort & Spa” tại phường Ninh Thủy và phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 488.../TTr-STNMT-CCBVMT ngày 11... tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Pax Ana Khánh Hòa, địa chỉ tại tầng 3, số 18 đường Trần Hưng Đạo, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khu du lịch Pax Ana Dốc Lết Resort & Spa” tại phường Ninh Thủy và phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

- 1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Khu du lịch Pax Ana Dốc Lết Resort & Spa.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: tại phường Ninh Thủy và phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 4201754565 đăng ký lần đầu ngày 9 tháng 08 năm 2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 28 tháng 6 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 4201754565.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: dịch vụ du lịch khách sạn, nghỉ dưỡng...

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Quy mô của cơ sở: cơ sở có tiêu chí tương đương với dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích 12 ha.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Pax Ana Khánh Hòa được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Pax Ana Khánh Hòa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong, UBND thị xã Ninh Hòa nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký giấy phép.

Phiếu xác nhận hồ sơ đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 1140/TNMT ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Sở Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận (VBĐT):

- Công ty TNHH Pax Ana Khánh Hòa;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- BQL KKT Vân Phong;
- UBND thị xã Ninh Hòa;
- UBND phường Ninh Thủy;
- UBND phường Ninh Hải;
- Công Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP +T.L.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...3122.../GPMT-UBND ngày 22 tháng 11... năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động lưu trú của khách du lịch.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vực nấu ăn, phục vụ căn tin (nhà bếp).
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhân viên.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: môi trường đất (trong khuôn viên của cơ sở).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: có tọa độ hệ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$ múi chiều 3° như sau:

+ Vị trí tại bể chứa nước thải sau xử lý (bể chứa nước sạch - ngay trạm xử lý nước thải): X = 1387417, Y = 606221.

+ Vị trí bể chứa nước thải sau xử lý (150 m^3 - trên đồi có nắp đậy bằng BTCT): X = 1387580, Y = 606091.

+ Vị trí bể chứa nước thải sau xử lý (300 m^3 - có nắp đậy bằng BTCT): X = 1387440, Y = 606234.

+ Vị trí bể chứa nước thải sau xử lý (500 m^3 - lộ thiên): X = 1387562, Y = 606154.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $250 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: bơm.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và QCVN 08-MT:2015 (Cột B1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTN MT - Cột A	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Cột B1	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 – 9	5,5 – 9	Không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ theo quy định tại khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.
2	BOD ₅	mg/L	30	15	
3	TSS	mg/L	50	50	
4	TDS	mg/L	500	-	
5	Sunfua	mg/L	1,0	-	
6	Amoni	mg/L	5	0,9	
7	Nitrat	mg/L	30	10	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	10	1	
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	5	0,4	
10	Phosphat	mg/L	6	0,3	
11	Coliforms	MPN/100 ml	3.000	7.500	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải phát sinh (nguồn số 01, 03 có xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn; nguồn số 02 xử lý qua bể tách dầu mỡ) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở có công suất thiết kế 250 m³/ngày đêm để xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải toàn cơ sở (nước thải từ bếp ăn của khu nhà hàng qua hệ thống tách dầu mỡ; nước thải nhà vệ sinh qua bể tự hoại 03 ngăn; nước thải sinh hoạt)

→ bể thu gom tập trung (TK01) → bể điều hòa (TK02) → bể Anoxic (TK03) → bể sinh học hiếu khí (TK04) → bể lắng sinh học (TK05) → bể khử trùng (TK07) → bồn lọc thô → bể chứa nước thải sau xử lý (bơm tưới cây) → trường hợp lưu lượng nước thải sau xử lý lớn lưu tại 03 hồ chứa nước sau xử lý → bơm tận dụng tưới cây.

+ Bùn thải → bể chứa bùn → hút bùn định kì → hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

+ Mùi của hệ thống xử lý nước thải qua tháp khử mùi ra ngoài nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 250 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: chlorine khoảng 37,44 kg/tháng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải.

- Quy trình ứng phó sự cố: Tại cơ sở có bố trí 03 bể chứa thải sau xử lý có tổng công suất 950 m³ (03 bể này mục đích lưu trữ nước thải sau xử lý tận dụng tưới cây trong khuôn viên cơ sở; đồng thời sử dụng làm bể ứng phó sự cố); trường hợp khi xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải không hoạt động, nước thải sẽ được bơm về các bể ứng phó sự cố để lưu trữ và sau khi khắc phục hệ thống xử lý nước thải, nước thải sẽ được bơm về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (bắt đầu từ 01/12/2022 và kết thúc tháng 01/3/2023).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 250 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Đầu vào của công trình xử lý nước thải (tại bể thu gom); đầu ra của công trình xử lý nước thải (tại bể chứa nước thải sau xử lý) trước khi tận dụng tưới cây trong khuôn viên của cơ sở.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm với tần suất 15 ngày/01 lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

- Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh với tần suất 01 ngày/01 lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra của công trình xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Chủ cơ sở lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...3123.../GPMT-UBND ngày 22 tháng 11...
năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh: Bóng đèn huỳnh quang thải (16 01 06), mực in (08 02 01), Dầu nhớt thải (17 02 02), Giẻ lau dính dầu nhớt (18 02 01). Khối lượng phát sinh khoảng 36,5 kg/năm

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 500 kg/ngày

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có biển cảnh báo, có các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 3 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Có mái che, có thùng chứa từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có biển cảnh báo, có các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Chất thải nguy hại sau khi lưu giữ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt loại 120l.

2.2.2. Khu vực lưu chứa: kho tập kết chất thải sinh hoạt có diện tích 196,5 m² được đặt tại vị trí phía Tây Nam của cơ sở.

Chất thải sinh hoạt sau khi lưu giữ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện việc phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý (UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong, UBND thị xã Ninh Hòa) trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG: Không. *nh*